

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-12-2023
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Kim Luyến;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Trui – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 11 và ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 283/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 192/TB-TA ngày 16 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ D**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: **Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Nguyễn Tố N**, sinh năm 1995 – Luật sư **Văn phòng L** (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Trọng B**, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: **Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1932 (mẹ ruột ông **B**).

Địa chỉ: **Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

+ Bà **Lê Mỹ T**, sinh năm: 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Số E đường T, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

+ Ông **Lê Hoài B1**, sinh năm: 2004 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Số E đường T, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Trần Thị Mỹ D** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông **Lê Trọng B** chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông **B** nhiều lần say rượu về cãi vã với nhau. Ngày 30/12/2020 âm lịch, ông **B** say rượu về đánh đập bà nên bà không dám ở nhà mà đến sống cùng các con tại thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đạt được hạnh phúc nên bà **D** xin được ly hôn với ông **Lê Trọng B**.

Về con chung: Có 04 con chung tên **Lê Trần Tú U**, sinh năm 1995; **Lê Hải N2**, sinh năm 1997; **Lê Mỹ T**, sinh năm 1999 và **Lê Hoài B1**, sinh năm 2004. Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Có 01 phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 56.440m² tọa lạc tại **ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau**, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông **Lê Trọng B**. Phần đất theo kết quả định giá có giá trị là 4.233.000.000 đồng bà **D** yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích là 28.220m². Căn nhà cấp 4 cất trên phần đất gồm nhà chính, nhà phụ và công xổ vuông. Kết quả định giá là 265.544.203 đồng. Tài sản khác gồm: 01 bồn nước 2.000 lít, 01 bồn nước 1.000 lít; 01 võ lã Composite; 01 tủ lạnh hiệu Sharp; 01 máy giặt hiệu LG; 01 xe máy Honda Airblade. Tất cả tài sản khác có tổng giá trị theo kết quả định giá là 56.316.000 đồng. Nhà, công xổ vuông và tài sản khác bà yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị bằng tiền theo kết quả định giá.

Tại phiên tòa ngày 07 tháng 11 năm 2023 bà **D** yêu cầu ngừng phiên tòa để bà **D** và ông **B** tự thỏa thuận phân chia tất cả các tài sản mà bà đã yêu cầu.

Ngày 09 tháng 12 năm 2023 bà **D** có đơn tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông **Lê Trọng B** trình bày:

Về hôn nhân: Theo lời trình bày của bà **D** về thời gian kết hôn là đúng. Trong khoảng thời gian vợ chồng chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm mọi mặt trong cuộc sống, dẫn đến không hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay nhưng không có cách hàn gắn hôn nhân. Bà **D** yêu cầu ly hôn thì ông **B** đồng ý, vì duy trì cũng không hạnh phúc.

Về con chung: Có 04 con chung tên, tuổi như bà **D** đã trình bày. Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 56.440m² và 01 công xỏ vuông, tọa lạc tại **ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau** Căn; nhà cấp 4 trên phần đất là nhà của bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1932 là mẹ của ông **B**, xây dựng năm 2004 đến nay đã xuống cấp. Tài sản trên là tài sản của cha, mẹ ông **B** cho trước thời kỳ hôn nhân.

Một số tài sản vợ chồng tạo ra gồm: 01 xe Aiblade mua năm 2020 giá trị 50.000.000 đồng; 01 tủ lạnh giá 10.000.000 đồng; 01 tủ áo nhôm giá 4.000.000 đồng; 01 máy giặt giá 12.000.000 đồng; 01 bồn nước 2.000 lít giá 7.000.000 đồng; 01 bồn nước 1.000 lít giá 3.000.000 đồng; 01 xe máy khi bà **D** đi mang theo giá 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 07 tháng 11 năm 2023, ông **Lê Trọng B** đồng ý ngừng phiên tòa để về tự thỏa thuận phân chia tài sản với bà **D**, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do hiện tại ông rất khó khăn về kinh tế nên không có khả năng nộp án phí theo quy định.

Về nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hoài B1** và chị **Lê Mỹ T** trình bày:*

Hiện mẹ anh **B1** và chị **T** là bà **Trần Thị Mỹ D** nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với cha là ông **Lê Trọng B**. Trong đó mẹ anh **B1** và chị **T** yêu cầu chia tài sản là phần đất ở **ấp X, xã L, huyện N** với diện tích là 56.440m², giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BO 598446 do Ủy ban nhân dân huyện **N** cấp ngày 30/9/2013 đứng tên hộ ông **Lê Trọng B**. Anh **B1** và chị **T** xác định đây là tài sản chung của gia đình nên khi cha, mẹ ly hôn anh **B1** và chị **T** yêu cầu chia mỗi người 1/5 diện tích đất anh **B1** và chị **T** xin nhận 11.288 m² để quản lý sử dụng. Giá trị 11.288m² là 360.000.000 đồng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Hoài B1** và chị **Lê Mỹ T** cũng tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản đối với ông **B** và bà **D** để tự thỏa thuận.

* Tại phiên tòa:

Về hôn nhân bà **Trần Thị Mỹ D** giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông **Lê Trọng B**.

Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tất cả tài sản mà bà **D** đã yêu cầu chia trước đây, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các chi phí tố tụng bà **Trần Thị Mỹ D** tự chịu không yêu cầu đối với ông **B**.

Ông **Lê Trọng B** vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến gì khác.

Đối với anh **Lê Hoài B1** và chị **Lê Mỹ T** có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về hôn nhân căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà **Trần Thị Mỹ D** và ông **Lê Trọng B** là vợ chồng.

Về con chung: Các con của bà **D** và ông **B** đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bà **Trần Thị Mỹ D** đối với ông **Lê Trọng B**. Lý do bà **D** có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị **Lê Mỹ T** và anh **Lê Hoài B1** yêu cầu chia tài sản chung của Hộ gia đình đối với ông **Lê Trọng B**. Lý do chị **T** và anh **B1** có đơn rút lại yêu cầu độc lập về chia tài sản.

Án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **D** yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông **B**, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà **T** và ông **B1** có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà **D** và ông **B** tự nguyện kết hôn năm 1994 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà **D** cho rằng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi, bất đồng trong cuộc sống, ông **Bình thường x** say xỉn và có đánh bà nên tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và chung sống với nhau nhưng từ năm 2020 đến nay bà **D** và ông **B** không còn chung sống với nhau. Tuy nhiên hôn nhân giữa bà **D** và ông **B** mặc dù sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà **D** và ông **B** không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 04 con chung tên **Lê Trần Tú U**, sinh năm 1995; **Lê Hải N2**, sinh năm 1997; **Lê Mỹ T**, sinh năm 1999 và **Lê Hoài B1**, sinh năm 2004. Khi ly hôn bà **D** và ông **B** không yêu cầu xem xét. Xét thấy, các con bà **D** và ông **B** đã trưởng thành bà **D** và ông **B** và các con cũng không đặt ra yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ngày 09 tháng 12 năm 2023 bị đơn bà **Trần Thị Mỹ D** có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Hoài B1** và chị **Lê Mỹ T** cũng có đơn yêu cầu rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu độc lập về phân chia tài sản.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện rút đơn không yêu cầu chia tài sản chung của bà **Trần Thị Mỹ D**, anh **Lê Hoài B1** và chị **Lê Mỹ T** nên Hội đồng xét xử không xem xét về yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn bà **Trần Thị Mỹ D** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Hoài B1** và chị **Lê Mỹ T**.

[5] Về nợ thu và nợ trả: Bà **D** và ông **B** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch bà **Trần Thị Mỹ D** phải chịu theo quy của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đối với án phí dự nộp về yêu cầu chia tài sản bà **Trần Thị Mỹ D**, anh **Lê Hoài B1** và chị **Lê Mỹ T** được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Về chi phí yêu cầu định giá tài sản bà **Trần Thị Mỹ D** tự thanh toán với Công ty TNHH T1 22.880.000 đồng. Nên không đề cập xem xét.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà **Trần Thị Mỹ D** và ông **Lê Trọng B** là vợ chồng.

2. Về con chung: **Lê Trần Tú U**, sinh năm 1995; **Lê Hải N2**, sinh năm 1997; **Lê Mỹ T**, sinh năm 1999 và **Lê Hoài B1**, sinh năm 2004. Các con chung của bà **Trần Thị Mỹ D** và ông **Lê Trọng B** đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà **Trần Thị Mỹ D**, ông **Lê Trọng B**, anh **Lê Hoài B1** và chị **Lê Mỹ T** tự thỏa thuận phân chia tài sản nên không đặt ra xem xét.

Về nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà **Trần Thị Mỹ D** phải chịu 300.000 đồng. Phần dự nộp 21.795.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015810 ngày 21/10/2022 được đối trừ phần còn thừa 21.495.000 đồng bà **Trần Thị Mỹ D** được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Án phí yêu cầu chia tài sản của anh **Lê Hoài B1** dự nộp số tiền 9.000.000 đồng theo biên lai thu tiền ngày 08/12/2022; chị **Lê Mỹ T** dự nộp số tiền 9.000.000

đồng theo biên lai thu tiền ngày 08/12/2022 được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Về chi phí yêu cầu định giá tài sản bà **Trần Thị Mỹ D** tự thanh toán với **Công ty TNHH T1** 22.880.000 đồng nên không đề cập xem xét.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, vắng mặt tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh K